TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/06/2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Chí Công
2. Ông Diêu Anh Tuấn

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa*: ông Vi Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 06 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 107/2026/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hương L, sinh năm 1997;
CCCD số: 001197012592 do Cục trưởng cục cảnh sát về TTXH cấp ngày 07/9/2023.
Nơi ĐKHKTT: Tổ A, phường V, Thành phố Hà Nội (trước đây là tổ A, phường T, quận L, Thành phố Hà Nội).
Chỗ ở hiện nay: 502 Sunshine Daikoku, 2-18-13 D, Naniwa-ku, Thành phố O, Tỉnh Osaka; (có đơn xin xét xử vắng mặt).
-Bị đơn: Anh Phan Sỹ B, sinh năm 1996;
CCCD số: 040096005575 do Bộ C cấp ngày 29/05/2025.
Trú tại: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An (trước đây là Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/03/2026, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hương L trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Phan Sỹ B kết hôn vào ngày 21 tháng 09 năm 2023, đăng ký kết hôn tại UBND Quận L, Thành phố Hà Nội (Nay là phường L, Thành

phố Hà Nội); kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn do chị L đang làm việc ở Nhật Bản, còn anh B ở Việt Nam, nên thời gian sống với nhau rất ít; do vợ chồng không sống gần nhau nên suy nghĩ có nhiều lệch lạc, bất đồng quan điểm; hiện tại do anh B vi phạm pháp luật, liên quan đến ma túy làm cho chị L không còn tình cảm với anh B, nên chị đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Phan Sỹ B.

+ Về con chung: chị và anh B không có con chung, không nuôi con nuôi. nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B có hai con riêng đang sống với bố, mẹ anh B thì anh B tự quyết định, chị không có ý kiến gì.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị L đã giao nộp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản gốc); Căn cước công dân chị L, anh B (Bản sao chứng thực), xác nhận thông tin về cư trú (Bản chính) của anh B; Hộ chiếu của chị L (Bản sao chứng thực); Thẻ cư trú số: UH59523171LA do Chính phủ Nhật Bản cấp ngày 24/3/2025 cho chị L (Bản sao chứng thực); Biên lai thu tiền tiền tạm ứng án phí.

Tại bản tự khai ngày 07/05/2026 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N, bị đơn anh Phan Sỹ B trình bày:

+ Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thống nhất như ý kiến chị L. Hiện anh đang bị tạm giam, tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

+ Về con chung: Anh và chị L không có con chung, không nuôi con nuôi. nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B có hai con riêng đang sống với bố, mẹ anh B thì anh B tự quyết định, anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không nợ chung của ai tài sản gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh B không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An thu thập gồm:

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đã tiến hành thu thập thêm tài liệu, chứng cứ là lấy ý kiến của anh B tại Trại tạm giam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; việc thu

thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 8, 35, 39, 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 122, 123, 127 - Luật Hôn nhân gia đình; ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Hương L được ly hôn với anh Phan Sỹ B.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về chia tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Hương L yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An giải quyết ly hôn với anh Phan Sỹ B; anh B hiện đăng ký thường trú tại khối T, phường T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

Nguyên đơn, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 - BLTTDS Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Hương L và anh Phan Sỹ B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị L do vợ chồng không sống gần nhau nên suy nghĩ có nhiều lệch lạc, bất đồng quan điểm; hiện tại do anh B vi phạm pháp

luật, liên quan đến ma túy làm cho chị L không còn tình cảm với anh B. Phía anh B cũng thừa nhận bản thân do vi phạm pháp luật đang bị tạm giam nên tình cảm vợ chồng không còn, nên đã đủ căn cứ để xác định được mâu thuẫn giữa chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L được ly hôn với anh B như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là có căn cứ.

[2.2]. *Về nuôi con chung:* Chị L, anh B không có con chung, không nuôi con nuôi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3]. *Về chia tài sản*: Chị L và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

2.5. *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Hương L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273; khoản 2 Điều 479 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 122, 123, 127 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hương L, cho chị Nguyễn Hương L được ly hôn với anh Phan Sỹ B.

2. Về nuôi con chung: Chị L, anh B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về chia tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hương L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002412 ngày 08/04/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh N (chị L đã nộp đủ tiền án phí).

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Hương L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh Phan Sỹ B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Long Biên, TP Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngoan